

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 5 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Yến L, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp H, xã H1, huyện N1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn N, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp N2, xã N3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của chị Lê Yến L, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn N chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã N3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau ngày 07/3/2021. Khi về chung sống đến ngày 20/3/2021, xảy ra mâu thuẫn thì anh N đuổi chị, sau đó anh N năn nỉ nên chị ở lại đến ngày 13/4/2021, anh N chở chị đi làm căn cước công dân và chị ở lại nhà cha, mẹ của chị cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, chị nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N chưa có con chung.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới được cha, mẹ chồng cho số nữ trang 04 chỉ vàng 24k do chị đang quản lý, khi ly hôn chị xin hưởng toàn bộ số vàng này.

Về các vấn đề khác: Không có.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị bổ sung yêu cầu anh N giao lại đôi bông tai trị giá 1.200.000 đồng và yêu cầu anh N trả khoản nợ riêng của bà Nguyễn Lệ D (mẹ ruột của chị) số tiền 4.000.000 đồng.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của anh Ngô Văn N, thể hiện:*

Về hôn nhân, thời gian chị L bỏ đi, việc chưa có con chung và số nữ trang cho trong ngày cưới như chị L trình bày là đúng. Về nguyên nhân chị L bỏ đi là do chị L tự ý chứ anh không có đuổi chị L. Do không thể hàn gắn trở lại nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị L giao lại 04 chỉ vàng 24k để phân chia mỗi người hưởng 02 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Yên L và anh Ngô Văn N chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau ngày 07/3/2021; đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, khi về chung sống một thời gian ngắn (từ ngày 07/3/2021 đến 13/4/2021) thì chị L đã về gia đình bên chị sinh sống cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống, không thể hàn gắn trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau là tự nguyện, không trái đạo đức, xã hội phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Các đương sự chưa có con chung. Theo chị L xác định đến ngày 26/4/2021, chị siêu âm có kết quả đang mang thai ở tuần thứ 8. Xét thấy, thai nhi chị L xác định phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị với anh N. Do đó, sau khi chị L sinh con thì các đương sự có quyền thỏa thuận việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Sau phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/5/2021 cũng như tại phiên tòa, chị L khởi kiện bổ sung yêu cầu anh N giao lại cho chị hưởng đôi bông có giá trị 1.200.000 đồng và yêu cầu anh N có nghĩa vụ trả khoản nợ riêng của bà Nguyễn Lệ D với số tiền 4.000.000 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của chị L về các vấn đề này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về số nữ trang cho trong ngày cưới: Các đương sự thừa nhận được cha, mẹ của anh N cho 04 chỉ vàng 24k, do chị L đang quản lý; tại phiên tòa, chị L xác định đã bán 02 chỉ vàng 24k nhưng không có thông báo cho anh N biết và hiện nay chị đang quản lý 02 chỉ vàng 24k; khi ly hôn, chị L xin hưởng toàn bộ, anh N yêu cầu phân chia mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$.

Xét thấy, số nữ trang này được cho là tài sản chung của chị L, anh N, việc chị L xin hưởng toàn bộ là không phù hợp với khoản 1 Điều 29 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được chấp nhận. Việc chị L xác định bán 02 chỉ vàng 24k nhưng không có sự đồng ý của anh N nên chị phải có trách nhiệm đối với số vàng đã bán và có nghĩa vụ giao lại số vàng đã quản lý để phân chia theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì về nguyên tắc, tài sản chung được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố hoàn cảnh gia đình của vợ, chồng, công sức đóng góp của các bên, lỗi của các bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng....

Quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng hôn nhân của các đương sự tồn tại thời gian rất ngắn, chị L cho rằng bị anh N đuổi nên chị đã đi về gia đình chị sinh sống nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho vấn đề này nên được xác định là các đương sự có lỗi ngang nhau dẫn đến việc ly hôn. Tuy nhiên, qua tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp, chị đang mang thai đến thời điểm này thì thai nhi đang phát triển ở tuần thứ 12, hiện chị cũng gặp khó khăn về kinh tế; do đó, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển thai nhi thì cần phân chia cho chị L hưởng nhiều hơn đối với số nữ trang này; cụ thể, phân chia cho chị L hưởng 03 chỉ vàng 24k và anh N 01 chỉ vàng 24k là phù hợp.

[5] Đối với đôi bông tai và số tiền chị L xác định anh N nợ của bà Nguyễn Lệ D các đương sự có quyền thỏa thuận với nhau về vấn đề này; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a và điểm b khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và phải chịu án phí phân chia tài sản là 798.000 đồng (03 chỉ vàng 24k x 5.320.000 đồng/chỉ x 5%); anh N phải chịu án phí phân chia tài sản là 300.000 đồng (giá vàng ngày 25/5/2021 là 5.320.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 59 của

Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a và điểm b khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận việc đồng ý ly hôn giữa chị Lê Yên L và anh Ngô Văn N.

2. Về tài sản:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị L về việc xin hưởng toàn bộ 04 chỉ vàng 24k.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị L. Phân chia cho chị L 03 (ba) chỉ vàng 24k và anh N 01 (một) chỉ vàng 24k. Chị L đang quản lý 04 chỉ vàng 24k có nghĩa vụ giao lại cho anh N 01 chỉ vàng 24k.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được đối trừ số tiền chị L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011576 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị L đã nộp xong).

- Án phí phân chia tài sản:

+ Chị L phải chịu 798.000 đồng; đối trừ số tiền chị L đã nộp tạm ứng 512.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011575 ngày 19 tháng 4 năm 2021 thì chị L còn phải nộp tiếp 286.000 đồng (hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

+ Anh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn